TOÀ ÁN ND HUYỆN YÊN THẾ **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:48/2019/HNGĐ -ST
Ngày: 25/11/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Đôn
2. Ông Trần Hải Đăng

- Thư ký phiên toà*:* Bà Lương Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa- Kiểm sát viên

Ngày 25/11/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2019/TLST-HNGĐ ngày 31/7/2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/QĐST- HNGĐ ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thùy D, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

+ Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã P X, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị D trình bày: Chị kết hôn với anh L vào ngày 06/11/2017 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P X, huyện Y T. Sau khi kết hôn sau khi kết hôn vợ chồng ch sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L không tu trí làm ăn, thường xuyên tụ tập, chơi bời, với một số thanh niên nghiện ngập trong thôn. Chị đã cùng gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không thay đổi vẫn chứng nào tật đấy, vì vậy vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu

thuẫn cãi nhau và sống ly thân từ ngày 01/9/2018 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị xin ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Khánh N, sinh ngày 04/5/2018, hiện nay cháu đang ở với chị tại H, Lạng Sơn, Khi ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản, công nợ ch và ruộng canh tác vợ chồng chị không có, nên không yêu cầu giải quyết.

* Sau khi thụ lý Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh L không đến Tòa án làm việc, qua xác minh tại địa phương xã P X cũng như lời khai do bà Lâm Thị L là mẹ đẻ anh L cho biết. Anh L, chị D kết hôn năm 2017, đăng ký kết hôn tại UBND xã P X, sau khi kết hôn chị D về nhà bà làm dâu ngay, tỉnh cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 3/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L đi làm bảo về cho Công ty may P X, anh L bắt đầu tụ tập bạn bè, rồi chơi bời và mắc tệ nạn xã hội, từ đó anh L thường xuyên bỏ bê công việc, không quan tâm tới vợ con, lấy tài sản của gia đình đi cầm cố, nên vợ chồng hay sảy ra cãi nhau, gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không từ bỏ được. đến 5/2018 chị D đã bế con về nhà mẹ đẻ ở Lạng Sơn sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Phía anh L từ đó cũng bỏ nhà đi lang thang tụ tập với bạn bè thỉnh thoảng mới về nhà. Khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án bà đã thông báo cho anh L biết nhưng anh L không đến Tòa và bảo Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Quan điểm của bà do con trai bà mắc tệ nạn xã hội nghiện ngập nên đề nghị Tòa giải quyết cho chị D ly hôn anh L.

- Về con ch: Vợ chồng chị D, anh L có 01 con chung là Trần Khánh N, sinh ngày 04/5/2018. nay cháu đang ở với chị D khi ly hôn cháu còn nhỏ để chị D nuôi cháu là phù hợp còn việc cấp dưỡng nuôi con. Cháu L hiện tại nghiện ngập, công ăn việc làm không có nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ ch và ruộng canh tác chị D, anh L không có gì.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ, và cũng không đến tham gia phiên tòa xét xử vào các ngày 25/10/2019 và ngày 25/11/2019.

+ Về nội d vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/21016, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thùy D: Xử cho chị D được ly hôn anh L.

- Về con: Giao cho chị D được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Trần Khánh N, sinh ngày 04/5/2018 chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết, Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung, không ai được cản trở các bên thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ chung chị D không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tr hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Trần Thị Thùy D và các tài liệu chứng cứ thu thập được có tr hồ sơ vụ án xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình, xin ly hôn, nuôi con.

Bị đơn anh Trần Văn L có địa chỉ tại xã P X, huyện Yên Thế nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh L đã được tống đạt hợp lệ nhưng không có mặt vì vậy vụ án không tiến hành thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa lần thứ nhất mở ngày 25/10/2019 anh L vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa hôm nay anh L vắng mặt không lí do Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Trần Văn L.

[2] Về nội dung: Chị D kết hôn với anh L vào ngày 06/11/2017 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P X, huyện Yên Thế. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Quá trình vợ chồng ch sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L, chời bời, không tu trí làm ăn, không quan tâm đến vợ, con. Vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Mặc

dù đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng anh L không thay đổi, vẫn chứng nào tật đấy. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Nay chị D xin ly hôn, phía anh L đã được thông báo nhiều lần nhưng không có ý kiến gì phản đối và cũng không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ hòa giải. Qua xác minh tại gia đình và địa phương vợ chồng chị D, Anh L chung sống với nhau thường xuyên sảy ra bất đồng mâu thuẫn, sống ly thân từ tháng cuối năm 2018 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị D, anh L đến nay đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh L là có căn cứ chấp nhận cần xử cho chị Trần Thị Thùy D được ly hôn anh Trần Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Khánh N, sinh ngày 04/5/2018, hiện nay cháu đang ở với chị D, Khi ly hôn chị D xin nuôi con không yêu cầu anh L đóng góp tiền nuôi con. Xét thấy cháu N từ trước đến nay đang ở ổn định với chị D, cháu vẫn được chị D chăm sóc và phát triển khỏe mạnh bình thường, hơn nữa hiện nay cháu Ncòn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nhiều hơn nên giao cháu N cho chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp; Về cấp dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về quyền thăm non con. Sau khi ly hôn anh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ chung và ruộng canh tác chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/21016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thùy D được ly hôn anh Trần Văn L

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thùy D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con ch là Trần Khánh N, sinh ngày 04/5/2018, anh L không phải cấp dưỡng nuôi

con. Sau khi ly hôn anh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này

3. Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác chung: Chị D, không yêu cầu nên không xem xét.

4.Về án phí: chị D phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí do chị D đã nộp tại biên lai số: AA/2014/0004484 ngày 31/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án tr thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án tr thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Vân Anh